

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-3-2023
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thanh Quang;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn T N, sinh năm 1975; cư trú tại: N63/2B, khu phố HH, p T, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh V V T, sinh năm 1972; cư trú tại: N63/2B, khu phố HH, p T, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 8 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn T N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã HT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là phường HT, thị xã Hòa Thành) vào năm 2017. Quá trình chung sống, anh T có nhiều lần đánh chị, đập phá đồ đạc khi uống rượu về và có người phụ nữ khác bên

ngoài, vì tương lai các con nên chị cố hàn gắn tình cảm vợ chồng và nhiều lần khuyên ngăn nhưng đến nay anh T vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có ba con chung tên V T K M, sinh năm 1993; V T L, sinh năm 1996 và V T L A, sinh năm 2002, các con đã trưởng thành và đã tự lao động nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 23 tháng 11 năm 2022 và các lời khai của bị đơn anh V V T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T N về việc chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn, thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh và chị T N không còn quan tâm nhau từ 02 đến 03 năm nay, anh tự làm tự sống, chị T N tự ý bán tài sản chung là xe, anh không đồng ý ly hôn, nếu chị T N đưa cho anh số tiền 200.000.000 đồng để anh sinh sống thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị T N thống nhất có 03 con chung đúng như lời chị T N trình bày, anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T cũng không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn T N và bị đơn anh V V T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn T N đối với anh V V T.

Về con chung: Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn T N và anh V V T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: chị Nguyễn T N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Về kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về vắng mặt người tham gia tố tụng: Chị Nguyễn T N có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt; anh V V T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị T N và anh T.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn T N yêu cầu ly hôn với anh V V T là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Hòa Thành, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn T N và anh V V T tự nguyện chung sống vợ, chồng vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã HT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là phường HT, thị xã Hòa Thành) vào năm 2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn T N và anh V V T, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của chị T N, lời trình bày của anh T thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng thì giữa chị T N và anh T có mâu thuẫn, đến nay thì anh T và chị T N không còn quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người tự làm tự sống, điều này được anh T thừa nhận. Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử xác định anh V V T nhiều lần đánh đập chị Nguyễn T N, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị T N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T N yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn T N và anh V V T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn T N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn T N

Về hôn nhân: Chị Nguyễn T N được ly hôn với anh V V T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn T N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0021012 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn T N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị Nguyễn T N và anh V V T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- UBND phường HT, thị xã Hòa Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn